

# NGÔN NGỮ HỌC ĐỊA LÝ, PHƯƠNG NGỮ HỌC VÀ BẢN ĐỒ PHƯƠNG NGỮ: KHÁI NIỆM, LỊCH SỬ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

GEOLINGUISTICS AND DIALECTOLOGY AND DIALECT MAPS: CONCEPTS, HISTORY AND CURRENT ISSUES

Trịnh Cẩm Lan<sup>1,\*</sup>, Trần Thị Hồng Hạnh<sup>1</sup>

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2025.046>

## TÓM TẮT

Bài báo phân tích một số vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học địa lý, Phương ngữ học và Bản đồ phương ngữ. Các nội dung đề cập đến là cách hiểu của các nhà nghiên cứu về hai khái niệm Ngôn ngữ học địa lý và Phương ngữ học, phác thảo sơ lược lịch sử của Ngôn ngữ học địa lý và Phương ngữ học trên thế giới và ở Việt Nam trong cố gắng thực hiện nhiệm vụ về bản đồ phương ngữ. Qua đó, bài viết gợi ý nhiệm vụ của Phương ngữ học Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ học địa lý, Phương ngữ học, Bản đồ phương ngữ, biến thể ngôn ngữ, hệ thống thông tin địa lý (GIS).

## ABSTRACT

The paper analyzes some issues related to Geolinguistics, Dialectology and Dialect Maps. The mentioned contents are the understanding of researchers on the two concepts of Geolinguistics and Dialectology, briefly outline the history of Geolinguistics and Dialectology in the world and in Vietnam in an effort to carry out the task of drawing dialect maps. Thereby, the paper suggests the tasks of Vietnamese Dialectology in the present and the future.

**Keywords:** Geolinguistics, Dialectology, Dialect Maps, Linguistic Variation, Geographic Information System (GIS).

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

\*Email: [tclan.vnu@gmail.com](mailto:tclan.vnu@gmail.com)

Ngày nhận bài: 12/11/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 08/01/2025

Ngày chấp nhận đăng: 27/02/2025

## 1. BÀN VỀ HAI KHÁI NIỆM NGÔN NGỮ HỌC ĐỊA LÝ VÀ PHƯƠNG NGỮ HỌC

F. de. Saussure, trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, đã dành một phần để trình bày về *Ngôn ngữ học địa lý*, và có lẽ ông là người đầu tiên đề cập đến khái niệm này. Theo

ông, *Ngôn ngữ học địa lý* đề cập đến những vấn đề xoay quanh mối quan hệ giữa các hiện tượng ngôn ngữ với không gian. Vào thời điểm đó, ông đã đưa ra những nhận thức quan trọng về nguyên nhân của “tính đa dạng địa lý”. Theo ông, bản chất của tính đa dạng địa lý là vấn đề thời gian, là sự phát triển lịch sử của ngôn ngữ. Các nghiên cứu được xếp vào “Phương ngữ học” trước Saussure có xu hướng chỉ dừng lại ở sự định vị các biến thể ngôn ngữ trong không gian bằng những bản đồ ngôn ngữ (Wenker G., Gillieron J.,...) chứ chưa đi đến tận cùng xem ẩn sâu dưới sự phân bố bề mặt ấy là những vận động nào trong lịch sử của ngôn ngữ. Theo Saussure, “người ta quên nhân tố thời gian, vì nó không cụ thể bằng nhân tố không gian; nhưng thật ra, chính do nó mà có sự phân hóa ngôn ngữ. Tính đa dạng địa lý phải được phiên dịch ra thành tính đa dạng trong thời gian” [5]. Những kiến giải về tính đa dạng về địa lý của Saussure đã khẳng định vai trò quan trọng của nó trong việc lý giải “sự phân hóa ngôn ngữ” về mặt thời gian hay sự biến đổi của ngôn ngữ theo dòng lịch sử. Theo đó, những nghiên cứu về sự phân bố các biến thể ngôn ngữ trong không gian không chỉ giúp nhìn ra hiện trạng tồn tại của các biến thể ngôn ngữ đó, mà rộng hơn, có thể cho thấy sự biến đổi của ngôn ngữ trong thời gian. Có lẽ đây chính là chìa khoá quan trọng để lý giải sự khác biệt giữa các quan niệm khác nhau về *Ngôn ngữ học địa lý* nói riêng và sự khác biệt trong cách phân biệt giữa nó và *Phương ngữ học* nói chung.

Thực tế, Ngôn ngữ học địa lý và Phương ngữ học vốn là những khái niệm quen thuộc. Chúng có điểm chung là gắn với việc xem xét các hiện tượng ngôn ngữ trong một không gian địa lý nhất định. Tuy nhiên, việc phân biệt hai khái niệm này vẫn còn nhiều điểm cần thảo luận. Một số nhà nghiên cứu không phân biệt hai khái niệm này và cho

rằng chúng đánh dấu các giai đoạn khác nhau của cùng một lĩnh vực [12, 34]. Một số khác lại cho rằng phương ngữ học nằm trong ngôn ngữ học địa lý hoặc ngược lại như Hoch & Hayes [22], Iwata [23] và các nhà nghiên cứu theo trường phái Nga (*một số từ điển thuật ngữ về ngôn ngữ học hiện có ở Nga đã định nghĩa Ngôn ngữ học địa lý là "một bộ phận của phương ngữ học nghiên cứu sự phân bố theo lãnh thổ của các hiện tượng phương ngữ"*).

### 1.1. Ngôn ngữ học địa lý là một phần của phương ngữ học

Koopman Willem và các cộng sự quan niệm rằng bản đồ là một công cụ quan trọng để giải thích các biến đổi ngôn ngữ trong phương ngữ học truyền thống và hình dạng của dữ liệu trên một bản đồ giúp giải thích (hay xác định) hướng lan tỏa về mặt địa lý của một biến đổi nhất định [27]. Theo tác giả, cảnh huống trong đó một biến đổi âm thanh nhất định được vay mượn hoặc được cho là đã vay mượn thì bản đồ phương ngữ sẽ giúp nhà nghiên cứu xác định hướng của sự vay mượn. Các tác giả này dùng thuật ngữ *nhà ngôn ngữ học địa lý* (geolinguist) để gọi những người cố gắng chứng minh rằng một âm nào đó là âm đã được vay mượn bằng cách chỉ ra sự vắng mặt của chúng ở xung quanh vùng tiếp nhận âm mới đó. Sự hiện diện hay vắng mặt của một yếu tố ngôn ngữ trên bản đồ phương ngữ, theo tác giả, là chỉ báo cho sự vay mượn và tiếp nhận ngôn ngữ, và chỉ ra điều đó là công việc của ngôn ngữ học địa lý. Mặc dù, Koopman và các cộng sự không hề phân biệt rạch ròi giữa phương ngữ học và ngôn ngữ học địa lý nhưng từ cách nhận diện nhiệm vụ của *phương ngữ học*, có thể thấy rằng khái niệm *phương ngữ học* được ông hiểu là bao trùm lên khái niệm *ngôn ngữ học địa lý*. Cũng theo quan niệm này, gần đây, Boberg cũng cho rằng *ngôn ngữ học địa lý* (geolinguistics) là một phần của *phương ngữ học* (dialectology).

### 1.2. Ngôn ngữ học địa lý là giai đoạn sau của phương ngữ học

Trong Bách khoa thư về ngôn ngữ học (The Linguistics Encyclopedia), phương ngữ học được Newbrook (in trong [25]) hiểu theo nghĩa rộng là "biến thể của ngôn ngữ" bao gồm cả biến thể địa lý và những biến thể xã hội như địa vị, giới tính, nghề nghiệp... Ở đây, công việc của các nhà phương ngữ học là phân tích và miêu tả các biến thể ngôn ngữ có liên quan, chú trọng đến những tương đồng và khác biệt nổi bật giữa chúng. Cũng trong cuốn sách này, khi đề cập đến nghiên cứu của Trudgill và các đồng nghiệp về sự lan tỏa của các yếu tố ngôn ngữ được cách tân từ các trung tâm đô thị như London, Chicago và các

trung tâm khác ở Na Uy, tác giả cho rằng công trình này không chỉ dừng lại ở việc miêu tả biến thể mà đã có những luận giải mang tính lý thuyết về các khía cạnh địa lý của sự biến đổi và lan tỏa ngôn ngữ. Tác giả gọi đây là một *công trình ngôn ngữ học địa lý* (geolinguistic work) điển hình [25]. Như vậy, trong cách hiểu, tác giả đã ít nhiều có sự phân biệt giữa *phương ngữ học* và *ngôn ngữ học địa lý*. Theo đó, cùng đối tượng nghiên cứu là các phương ngữ, phương ngữ học chú trọng miêu tả các biến thể địa lý, trong khi ngôn ngữ học địa lý mang tính kế thừa ở chỗ cũng miêu tả các biến thể đó nhưng việc miêu tả chúng cần phải được luận giải như là những chỉ báo cho sự biến đổi và lan tỏa ngôn ngữ trong không gian.

### 1.3. Phương ngữ học là một phần của ngôn ngữ học địa lý

Trong một tổng quan về *ngôn ngữ học địa lý* (geolinguistics) ở Trung Quốc, Iwata đã cho biết lịch sử, các xu hướng và các vấn đề lý thuyết mà ngôn ngữ học địa lý ở Trung Quốc quan tâm [23]. Trong đó, *geolinguistics* và *linguistic geography* được sử dụng mà không được phân biệt một cách rạch ròi. Tác giả cũng cho biết, các nghiên cứu ngôn ngữ học địa lý ở Trung Quốc chủ yếu đi theo hướng xử lý các phương ngữ nhằm hai mục đích chính, tái lập âm vị học tiếng Hán cổ đại, phân biệt các phương ngữ và phân định ranh giới khu vực phân bố tương đối của chúng. Rõ ràng, trong cách hiểu này, *ngôn ngữ học địa lý* đã thực hiện nhiệm vụ bao trùm lên *phương ngữ học*, đó là không chỉ phân định ranh giới (mang tính tương đối) của các vùng phương ngữ Hán mà hơn nữa còn tái lập các dạng thức ngôn ngữ trong lịch sử.

Hoch & Hayes cho rằng *ngôn ngữ học địa lý* là một lĩnh vực liên ngành trong đó các bản đồ ngôn ngữ được sử dụng để mô tả vị trí của các mô hình ngôn ngữ và mô tả kết quả các quá trình tạo ra sự biến đổi ngôn ngữ [22]. Các tác giả còn nhấn mạnh vào vai trò của GIS bao gồm những quy trình trên máy tính để lập bản đồ, lưu trữ và thao tác các dữ liệu địa lý trong nghiên cứu ngôn ngữ học địa lý. Tác giả khẳng định vai trò của GIS như một công cụ cho phép các nhà ngôn ngữ học phân tích các dữ liệu không gian của ngôn ngữ. Với cách hiểu như vậy, bài viết này rõ ràng đã nhìn nhận phạm vi nghiên cứu của *ngôn ngữ học địa lý* rộng hơn rất nhiều so với *phương ngữ học*.

### 1.4. Đồng nhất ngôn ngữ học địa lý với phương ngữ học

Sử dụng thuật ngữ *language geographies*, Withers cho rằng có ba hướng chính được xác định liên quan đến những nghiên cứu về mối liên hệ giữa ngôn ngữ và địa lý [34]. Thứ nhất, nghiên cứu những từ nhất định miêu tả về thế giới, trong đó bao gồm các thuật ngữ địa lý và

điều này được thể hiện rõ nhất trong sự kết hợp giữa địa danh học, bản đồ học và bản sắc. Hướng thứ hai bao gồm những mối liên hệ giữa ngôn ngữ và khu vực địa lý, thường được gọi tên bằng các thuật ngữ khác nhau như (1) địa lý học ngôn ngữ (language geography) (được lý giải là sự khác biệt mang tính khu vực của ngôn ngữ qua thời gian và không gian), (2) địa lý học ngôn ngữ học (linguistic geography), ngôn ngữ học địa lý (geolinguistics) hay địa lý học phương ngữ (dialect geography). Hướng thứ ba kết hợp chặt chẽ với các nghiên cứu về ngôn ngữ trong phạm vi của địa lý học với tư cách là một diễn ngôn học thuật và về ngôn ngữ với tư cách là phương tiện thể hiện tri thức cũng như quyền lực chính trị và văn hóa [34]. Theo mô tả ở hướng thứ hai, *ngôn ngữ học địa lý* và *phương ngữ học* được xem như là một.

Thông qua các quan niệm về *Ngôn ngữ học địa lý* và *Phương ngữ học*, có mấy điểm đáng lưu ý liên quan đến hai khái niệm này như sau:

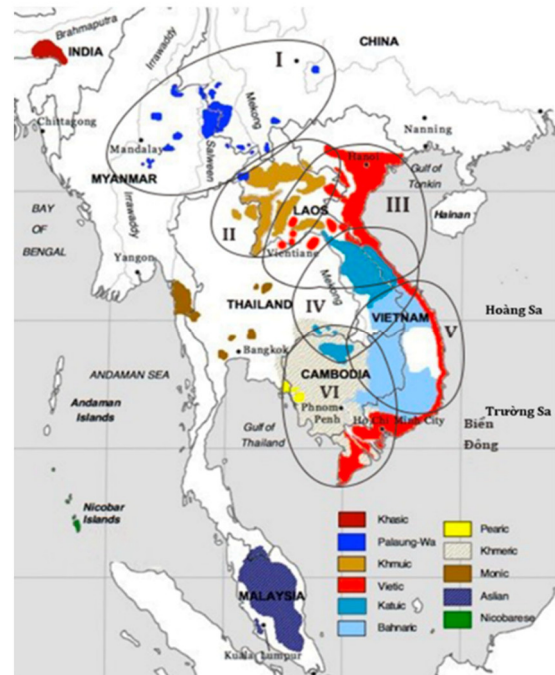
Thứ nhất, đây là hai khái niệm có phần chồng lấn khi cùng quan tâm đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và địa lý với đối tượng là các biến thể địa lý. Tuy nhiên, về nhiệm vụ, theo đó là mục tiêu cuối cùng phải đạt tới thì *phương ngữ học* có nhiệm vụ điều tra, miêu tả và định vị sự hiện hữu của các biến thể ngôn ngữ trên bản đồ, vạch ra ranh giới các vùng phương ngữ, các vùng đồng ngữ, các đường đồng ngữ (như Wenker, Gillerron... đã từng làm), còn *ngôn ngữ học địa lý* ngoài việc định vị sự hiện hữu của các biến thể ngôn ngữ trên bản đồ còn đặt nặng nhiệm vụ vào việc lý giải sự hiện hữu đó bằng những biến đổi ngôn ngữ qua thời gian.

Về phạm vi không gian, nếu ở *Phương ngữ học*, việc định vị không gian phân bố của các biến thể thường chỉ trong phạm vi một ngôn ngữ, thường là ở một quốc gia thì ở *Ngôn ngữ học địa lý*, việc vẽ bản đồ một biến thể ngữ âm hay từ vựng nào đó có thể vượt ra khỏi giới hạn một ngôn ngữ mà bao quát đến cả một nhóm ngôn ngữ hay một ngữ hệ trên một không gian rộng lớn, đôi khi tới nhiều quốc gia.

Hình 1 là bản đồ vị trí hiện tại của sáu nhóm ngôn ngữ thuộc nhánh Môn-Khmer, họ Nam Á.

Về lịch sử ra đời, Ngôn ngữ học địa lý xuất hiện sau, nó nhấn mạnh tính hiện đại về mặt phương pháp khi các nhà ngôn ngữ học gần đây ứng dụng GIS trong nghiên cứu như một phương pháp nổi bật. Chính vì vậy, một số nhà nghiên cứu còn coi Ngôn ngữ học địa lý không phải là một nội dung nghiên cứu mà là một phương pháp nghiên cứu của phân ngành Ngôn ngữ học lịch sử (Sibata, 1969).

Rõ ràng, bất kỳ một luận giải nào về sự biến đổi hay lan tỏa của các biến thể trong Ngôn ngữ học địa lý cũng trước hết đều phải căn đến kết quả miêu tả sự tồn tại của các biến thể và vì vậy, *Phương ngữ học* nên được coi là một tiếp cận đi trước tạo tiền đề để *Ngôn ngữ học địa lý* từ đó phát triển.



Hình 1. Vị trí hiện tại của sáu nhóm ngôn ngữ thuộc nhánh Môn-Khmer, họ Nam Á (Dẫn theo [15])

## 2. NGÔN NGỮ HỌC ĐỊA LÝ VÀ PHƯƠNG NGỮ HỌC: PHÁC THẢO LỊCH SỬ

Như đã trình bày, có 3 khuynh hướng quan niệm về hai khái niệm *Ngôn ngữ học địa lý* và *Phương ngữ học*. Trong ba khuynh hướng đó, khuynh hướng thứ nhất và thứ hai đều thể hiện một phần chung của hai khái niệm. Theo đó, *Phương ngữ học* coi việc miêu tả và lý giải sự hiện hữu của các biến thể ngôn ngữ về mặt không gian và vạch ra ranh giới các vùng phương ngữ, các vùng đồng ngữ là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất. Còn *Ngôn ngữ học địa lý* lại thiên về việc định vị sự hiện hữu đó trên các tọa độ địa lý xác định và lý giải sự hiện hữu đó bằng việc tái lập những biến đổi ngôn ngữ theo thời gian. Thực tế cho thấy, bất kỳ một luận giải nào về sự biến đổi hay lan tỏa của ngôn ngữ trong không gian mà *Ngôn ngữ học địa lý* quan tâm thì trước hết cũng đều phải căn đến kết quả miêu tả đặc điểm ngôn ngữ và sự hiện hữu của các biến thể ở những không gian xác định (kết quả của *Phương ngữ học*). Chính vì thế, *Phương ngữ học* cần được coi là

một phân ngành đi trước, cung cấp kết quả cho Ngôn ngữ học địa lý kế thừa và phát triển.

Trước thực tế như vậy, trong phần phác thảo lịch sử này, chúng tôi đôi khi không thể thật sự rạch ròi giữa hai khái niệm Phương ngữ học và Ngôn ngữ học địa lý, và đây là tình hình chung của nhiều nhà ngôn ngữ học. Đó là, ở giai đoạn khởi thủy của Phương ngữ học, khi ngành khoa học này thực hiện mục tiêu vẽ bản đồ phương ngữ thì cả Phương ngữ học và Ngôn ngữ học địa lý đều xem đó như những thành tựu đầu tiên của mình. Cũng vì phần chung này, chúng tôi buộc phải cung cấp một lược thảo lịch sử với sự chồng lấn lên nhau giữa Ngôn ngữ học địa lý và Phương ngữ học.

Đóng góp lớn nhất của Ngôn ngữ học địa lý và Phương ngữ học là ở hệ thống các bản đồ ngôn ngữ học thể hiện sự phân bố địa lý của các ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ được xây dựng ở nhiều quốc gia trên khắp thế giới. Các nghiên cứu sớm nhất ở các nước châu Âu với mục đích vẽ bản đồ ngôn ngữ học được thực hiện từ rất sớm. Những thành tựu nghiên cứu này đã làm nên một bề dày lịch sử của Ngôn ngữ học địa lý ở châu Âu và cũng là của thế giới.

#### *Các nghiên cứu ở châu Âu*

Phác thảo sự đa dạng của ngữ pháp tiếng Đức qua không gian với kết quả là một tập bản đồ thể hiện sự phân bố các dạng thức ngữ pháp của các phương ngữ vùng Bavaria trong không gian của Johann Andreas Schmeller năm 1821 là nghiên cứu đầu tiên [17]. Nhưng nghiên cứu được xem là đặt nền móng quan trọng của Phương ngữ học lại là cuộc điều tra của Wenker năm 1876 ở miền Bắc nước Đức. Đây là cuộc điều tra qui mô lớn đầu tiên ở Đức nói riêng, ở châu Âu nói chung. Nó đặt nền móng về phương pháp nghiên cứu trong phương ngữ học với 50.000 cộng tác viên (CTV) là giáo viên phổ thông, 50.000 bảng hỏi (thu về khoảng 45.000 bảng), mỗi bảng là 40 câu tiếng Đức chuẩn, yêu cầu là CTV ghi lại 40 câu tiếng Đức chuẩn bằng các biến thể khu vực nơi mình sinh sống, kết quả là 1668 bản đồ trong tập "Linguistic Atlas of the German Empire" (Bản đồ ngôn ngữ học của Đế chế German) (1887). Gần đây, dự án Digital Wenker Atlas (DiWA) ở Marburg, hoàn thành năm 2009, đã tập trung vào việc xuất bản, số hoá và phân tích giá trị khoa học tập bản đồ của Wenker. Dự án đã tạo ra một kho lưu trữ kỹ thuật số chất lượng cao đối với những sản phẩm đầu tiên của Ngôn ngữ học địa lý Đức [20].

Ở Pháp, cuộc điều tra do Gilliéron (*Jules Gilliéron là một nhà ngôn ngữ học người Pháp gốc Thụy Sĩ*) khởi động vào

năm 1880, là cuộc điều tra quốc gia lần 1 với thành quả đầu tiên là tập bản đồ sự phân bố các biến thể tiếng Pháp tại 25 khu vực thuộc Thụy Sĩ nói tiếng Pháp. Cuộc điều tra tiếp theo cũng do Gilliéron và cộng sự của ông là Edmont thực hiện từ 1897 đến 1901 cho dự án Bản đồ ngôn ngữ học Pháp tại 639 địa phương thuộc nước Pháp và các vùng nói tiếng Pháp thuộc Thụy Sĩ, Bỉ và Ý. Kết quả là dữ liệu ngữ âm được ký âm theo một qui tắc ngữ âm học nhất quán [17]. Mặc dù bị đánh giá là hạn chế trong phương pháp điều tra khi tư liệu phát âm chỉ được ghi lại thông qua cảm nhận của người nghiên cứu nên khó tránh khỏi chủ quan và làm hạn chế độ xác thực (đây là hạn chế chung của các cuộc điều tra trước khi công nghệ ghi âm ra đời), nhưng có thể nói, với cách làm việc của mình, nhóm nghiên cứu vẫn được ghi nhận là đã làm nên hình mẫu về phương pháp điều tra được thực hiện phổ biến sau đó ở khắp châu Âu và Bắc Mỹ.

Mặc dù cách điều tra ở Pháp và Đức khác nhau nhưng mục đích cuối cùng vẫn là tìm những biến thể địa phương của các từ/câu trong mỗi ngôn ngữ. Nhưng từ Wenker đến Gilliéron và Edmont, phương ngữ học địa lý thế giới được chứng kiến một cuộc chuyển mình ngoạn mục về phương pháp. Nếu Wenker chỉ gửi bảng hỏi qua đường bưu điện và thu lại vẫn theo con đường ấy thì Gilliéron đã sử dụng người điều tra tại thực địa (fieldworker) với điều tra viên là chính Edmont. Cuộc khảo sát tại 639 địa phương nói tiếng Pháp thu được một nguồn dữ liệu đồ sộ và kết quả là 13 tập bản đồ mang tên *Tập bản đồ ngôn ngữ học Pháp (Linguistic Atlas of France)* [17]. Kế thừa cách làm đó, các học trò của Gilliéron đã tiếp tục công cuộc vẽ *Bản đồ các phương ngữ Ý* (1931) và 8 tập bản đồ ngôn ngữ học Pháp khác (1928-1940). Trong quá trình ấy, công cụ điều tra cũng liên tục được phát triển và cải tiến: bảng hỏi được chia thành nhiều phần với thông tin chung và thông tin chuyên biệt, nó cũng được thiết kế thích hợp với từng khu vực hơn [13].

Năm 1948, kế thừa những thành tựu về phương pháp trên đây, Eugen Dieth và Harold Orton bắt đầu cuộc điều tra các phương ngữ Anh đầu tiên - *Survey of English Dialects* (SED). Họ chia nước Anh thành 4 khu vực với qui mô điều tra là 70-80 cuộc phỏng vấn mỗi khu vực, dung lượng bảng hỏi là 1200 câu. Kết quả của cuộc điều tra là 4 tập dữ liệu cơ bản của 4 khu vực và một danh mục rất lớn các câu trả lời [13]. SED sau đó đã được xuất bản thành nhiều tập dữ liệu tổ chức các biến thể dưới dạng bản đồ. Và sau đó, hàng loạt các công trình phương ngữ học địa lý sử dụng nguồn dữ liệu đó đã ra đời như *Bản đồ ngữ âm khu vực phía Bắc (Phonological Atlas of the Northern Region)*, *Bản đồ ngôn ngữ học Anh (The Linguistic Atlas of*

England), *Bản đồ các phương ngữ Anh (An Atlas of English Dialects)* [17]. Với những thành tựu ấy, phương ngữ học địa lý của Anh cũng đã hoàn thành nhiệm vụ vẽ bản đồ phương ngữ đất nước mình.

#### Các nghiên cứu ở Nga

Nhà nghiên cứu đầu tiên ở Nga đánh dấu sự xuất hiện của Phương ngữ học và Ngôn ngữ học địa lý là I.I. Xreznhievsxky trong tài liệu *Những nhận xét về dữ liệu địa lý ngôn ngữ và về sự cần thiết của bản đồ các ngôn ngữ ở Nga* (1851). Tuy nhiên, phải đến năm 1903, Viện Hàn lâm Khoa học Nga mới phát triển Chương trình quốc gia thu thập dữ liệu xây dựng bản đồ phương ngữ tiếng Nga. Sản phẩm của chương trình là *Bản đồ phương ngữ tiếng Nga ở châu Âu và phụ lục chú giải về phương ngữ học tiếng Nga* (1915). Sau này, công trình trên bị cho là nhiều hạn chế ở năng lực phản ánh tính đa dạng của các vùng phương ngữ cũng như ở sự phân vùng phương ngữ còn thiếu hợp lý. Hạn chế này là lực đẩy dẫn đến nhu cầu xây dựng một công trình quy mô và cập nhật hơn, có khả năng phản ánh trên bản đồ các biến thể phương ngữ trong mối quan hệ với các cộng đồng dân cư. Điều này đưa đến ý tưởng xây dựng một tập Atlas về phương ngữ tiếng Nga (<https://www.textologia.ru/russkiy/russkaya-dialektologia/lingvistich-geografiya/razvitie-lingvogeografii-v-rossii/2619/?q=463&n=2619>).

Để chuẩn bị cho Atlas này, từ giữa thập kỷ 30 thế kỷ XX, Viện Hàn lâm Khoa học Nga đã triển khai tập hợp dữ liệu quy mô lớn ở trên 5.000 điểm dân cư vùng Tây-Bắc nước Nga. Tuy nhiên, Thế chiến thứ II buộc Chương trình phải dừng lại. Sau Thế chiến, chương trình được tiếp tục và kéo dài gần 20 năm. Bộ Atlas về các phương ngữ Nga cuối cùng cũng được hoàn thành và được Nxb Bản đồ công bố lần đầu tại Matxcova vào năm 1957 mang tên *Atlas các thổ ngữ dân gian tiếng Nga tại khu vực Trung tâm nước Nga đến miền đông Matxcova (Атлас русских народных говоров центральных областей к востоку от Москвы)*. Tập bản đồ được đánh giá cao ở chỗ nó không chỉ là tập Atlas bằng hình ảnh (bản đồ) mà đi kèm là việc giải thích phương ngữ của các vùng, cách phát âm của từng hiện tượng phương ngữ, thổ ngữ cụ thể và cách sử dụng chúng (<https://oshermaps.org/special-map-exhibits/regional-and-city-atlases-and-maps-of-the-soviet-union>).

#### Các nghiên cứu ở Mỹ

Những năm cuối thế kỷ XIX, ở Mỹ, sự chú ý đến phương ngữ học bắt đầu được khởi động với những nghiên cứu lẻ tẻ. Nhưng phải đến năm 1930, cuộc điều tra thí điểm đầu tiên để vẽ bản đồ ngôn ngữ học vùng New England mới chính thức được tiến hành tại 7 bang Maine, Vermont, New Hampshire, Massachusetts, Connecticut,

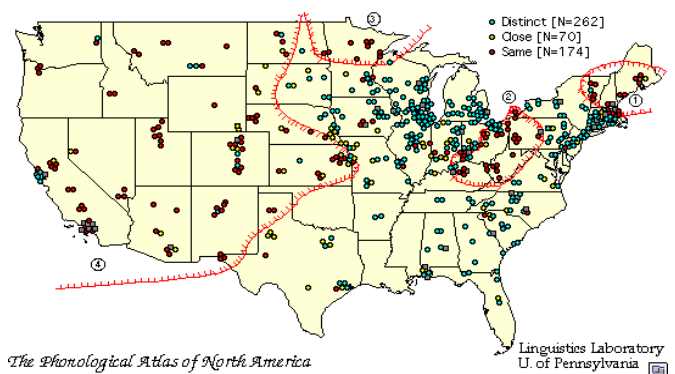
Rhode Island và New York. Kết quả là tập *Linguistic Atlas of New England* gồm 734 bản đồ ra đời.

Cũng vào năm 1930, dự án *Bản đồ ngôn ngữ học Mỹ và Canada (Linguistic Atlas of the United States and Canada - LAUSC)* được khởi động. Kết quả của dự án này là hàng loạt những ấn phẩm ra đời trong gần nửa thế kỷ tiếp theo như *Địa lý từ vựng khu vực miền Đông nước Mỹ (Word Geography of Eastern United States)*, *Điều tra các dạng thức động từ ở khu vực miền Đông nước Mỹ (A Survey of Verb Forms in the Eastern United States)*, *Phát âm tiếng Anh ở các bang Đại Tây Dương (The Pronunciation of English in the Atlantic States)*, *Bản đồ ngôn ngữ học ở các bang vùng Vịnh (Linguistic Atlas of the Gulf States)* [17] với sự hỗ trợ của công nghệ, 7 tập sách bao gồm các loại sổ tay phương ngữ, các danh mục tài liệu, bản đồ (1986-1992). Những thành quả này đã gây một ảnh hưởng lớn.

Đầu những năm 1990, công nghệ thông tin phát triển đưa đến khả năng số hóa những nguồn dữ liệu khổng lồ. Đây là một bước ngoặt lớn hỗ trợ việc ấn hành và lưu giữ những thành tựu của phương ngữ học địa lý. Hàng loạt bản đồ định vị sự phân bố của các biến thể ngôn ngữ trong không gian nước Mỹ ra đời nhờ công nghệ.

Updated: Oct 4, 1996

Map 1. The Merger of /o/ and /oh/ before /t/ in COT vs. CAUGHT.  
Contrast in production of /o/ and /oh/ before /t/ in COT vs. CAUGHT.



The Phonological Atlas of North America

Linguistics Laboratory  
U. of Pennsylvania

Hình 2. Sự phân bố các biến thể /o/ và /oh/ trong tiếng Anh ở Mỹ (Nguồn: [36])

#### Các nghiên cứu ở Nhật và châu Á

Ở châu Á, Nhật Bản đi tiên phong trong hướng tiếp cận này để vẽ bản đồ ngôn ngữ quốc gia và người Nhật đã đạt được nhiều thành tựu. Trước khi việc ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (Geographical Information System - GIS) và các công cụ phân tích không gian kết hợp của nó được phát triển, Ngôn ngữ học địa lý và Phương ngữ học Nhật Bản đã có cả một bề dày. Các cuộc điều tra quy mô lớn nhằm thu thập dữ liệu qua đường bưu điện đã được tiến hành từ rất sớm để vẽ *Bản đồ phương ngữ về ngữ âm (Phonetic Dialect Atlas, 1905)* và vẽ *Bản đồ phương ngữ về ngữ pháp (Grammatical Dialect Atlas, 1906)*. Cuộc điều tra



để vẽ *Bản đồ ngôn ngữ học Nhật Bản* (Linguistic Atlas of Japan) được thực hiện từ năm 1955-1966 và được xuất bản trong khoảng từ 1966-1975. Một cuộc điều tra tại vùng Itoigawa từ 1957 đến 1961 cũng đã cho ra sản phẩm là *Tập bản đồ ngôn ngữ học vùng Itoigawa* (The Linguistic Atlas of Itoigawa).

Thập kỷ 1970 chứng kiến sự nở rộ của Phương ngữ học Nhật Bản với hàng trăm cuộc điều tra ở các quy mô khác nhau được thực hiện rộng khắp trên toàn lãnh thổ. Cuộc điều tra để vẽ *Bản đồ ngữ pháp các phương ngữ Nhật* (Grammatical Atlas of Japanese Dialects) được thực hiện trong khoảng 1979-1982, xuất bản trong khoảng 1989-2002 là bước chuyển về chất trong các phương pháp, kỹ thuật và công nghệ vẽ bản đồ nhờ ứng dụng GIS. Cũng từ đây, tất cả các nghiên cứu để vẽ bản đồ ngôn ngữ học trên đất nước này và cả các nghiên cứu mà người Nhật thực hiện ở nhiều nước châu Á khác (Trung Quốc, Việt Nam, Myanmar...) đều được thực hiện bằng công nghệ GIS [19].

Kế thừa những thành tựu của công nghệ thông tin với GIS, Phương ngữ học và Ngôn ngữ học địa lý ở các nước châu Á những năm đầu thế kỷ XXI có một sự phát triển vượt trội. Đặc biệt, với sự tổ chức, hỗ trợ của Hiệp hội ngôn ngữ học địa lý châu Á (Association of Asian Geolinguistics), các nhà ngôn ngữ học địa lý đã tổ chức được các dự án tổng thể nghiên cứu sự phân bố địa lý của phần lớn các từ thuộc lớp từ vựng cơ bản ở nhiều ngôn ngữ thuộc nhiều ngữ hệ khác nhau thuộc khu vực châu Á. Xuất bản phẩm do Hiệp hội ngôn ngữ học địa lý châu Á xuất bản cho đến nay là 8 tập mang tên *Studies in Asian Geolinguistics I* đến *Studies in Asian Geolinguistics VIII*, 4 cuốn Kỷ yếu Hội thảo *Proceedings of the First (the Second/ the Third/ the Fourth) International Conference on Asian Geolinguistics* và rất nhiều các nghiên cứu chuyên đề tại nhiều nước liên quan đến nhiều ngữ hệ khác nhau tại châu Á (Nguồn: Website của Viện nghiên cứu Ngôn ngữ và Văn hoá châu Á và châu Phi Research Institute for Languages and Cultures of Asia and Africa (ILCAA)). Những sản phẩm nghiên cứu trên đây là hàng nghìn bản đồ ngôn ngữ học được vẽ với sự hỗ trợ của công nghệ ArcGIS.

Tựu trung lại, bước ngoặt quan trọng của Phương ngữ học và Ngôn ngữ học địa lý thế giới trong nỗ lực vẽ bản đồ là sự ra đời và hỗ trợ hiệu quả của GIS. GIS và các công cụ phân tích không gian kết hợp với nó cho phép phân tích một cách tinh vi và hiệu quả dữ liệu không gian của các nhà nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực. Mặc dù lĩnh vực ngôn ngữ học từ lâu đã được các nhà địa lý học quan tâm và sự biến đổi trong không gian của ngôn ngữ là một vấn đề rất hấp dẫn đối với các nhà ngôn ngữ học nhưng họ

được đánh giá là chưa thực sự tận dụng được một cách hiệu quả sức mạnh của lý thuyết GIS-science để giải quyết các giả thuyết về sự biến đổi không gian của ngôn ngữ [22]. Phải đến những năm cuối thế kỷ XX đầu XXI, các nhà ngôn ngữ học mới thực sự áp dụng công nghệ GIS trong các nghiên cứu để vẽ bản đồ ngôn ngữ. Những nhà nghiên cứu đầu tiên được ghi nhận đã sử dụng GIS trong ngôn ngữ học là Lee và Kretzschmar 1993; Williams và Van der Merwe 1996; Goebel 2006. Ngoài ra, một vài nghiên cứu thừa nhận những ứng dụng sớm trong việc sử dụng GIS để kiểm tra sự biến đổi ngôn ngữ trong không gian như Pederson 1993; Kretzschmar và Schneider 1996; Kretzschmar 2003 [22]. Có thể nói, hướng tiếp cận địa lý, sử dụng MapInfo trong đó có định vị tọa độ địa lý của người cung cấp thông tin, cũng là tọa độ địa lý của các biến thể ngôn ngữ đã mang đến những hiệu quả vượt trội trong việc vẽ bản đồ ngôn ngữ.

### 3. NGÔN NGỮ HỌC ĐỊA LÝ VÀ PHƯƠNG NGỮ HỌC Ở VIỆT NAM - VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

Ở Việt Nam, khái niệm *Ngôn ngữ học địa lý* ít phổ biến hơn nhưng khái niệm *Phương ngữ học* thì đã được biết đến rộng rãi và xuất hiện trong nhiều công trình nghiên cứu. Trước Hoàng Thị Châu, nhiều học giả Việt Nam cũng đã quan tâm đến những khác biệt phương ngữ - từ Huỳnh Tịnh Paulus Của với *Đại Nam Quốc Âm tự vị* (1895, 1896) đến L. Cadieré với *Phương ngữ vùng Thượng Trung kỳ* (1902) rồi H. Maspero với *Ngữ âm học lịch sử tiếng Việt - các âm đầu* (1912). Nhưng phải đến khi *Tiếng Việt trên các miền đất nước* (1989) của Hoàng Thị Châu ra đời thì nghiên cứu phương ngữ học tiếng Việt mới chính thức được đặt nền móng. Không chỉ phác họa được các vùng phương ngữ tiếng Việt, tác giả còn chỉ ra quá trình hình thành và diễn biến lịch sử của các phương ngữ. Với cách làm đó, nhiều nghiên cứu đi sau đã gọi cách tiếp cận của Hoàng Thị Châu là *Ngôn ngữ học địa lý* [3].

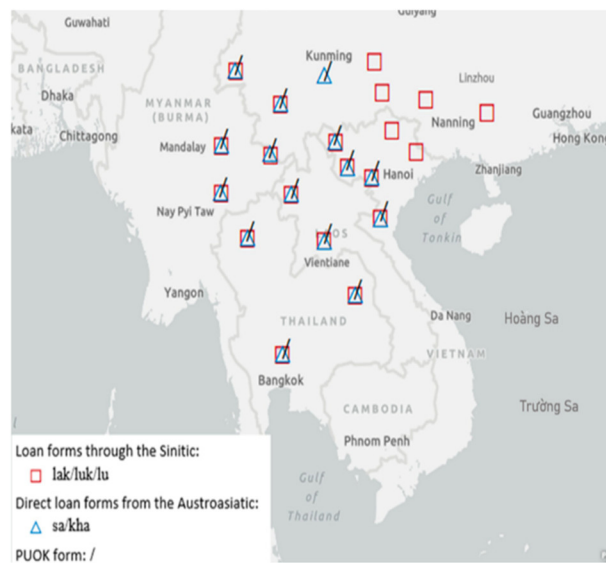
Trước đó, Việt ngữ học đã biết đến khái niệm *Ngôn ngữ học địa lý* qua nghiên cứu của Đoàn Thiện Thuật [8]. Với mục đích giải quyết những khó khăn trong việc lựa chọn tiếng chuẩn của ngôn ngữ Tày Nùng để dùng vào việc phát thanh, ông đã sử dụng phương pháp vẽ bản đồ để tìm ra vùng quy tụ của những tiếng địa phương tương đồng về mặt ngữ âm, từ vựng. Hai tập bản đồ về tiếng địa phương Tày - Nùng có thể được coi là những atlas ngôn ngữ học đầu tiên ở ta. Như vậy, khác với Hoàng Thị Châu, Đoàn Thiện Thuật đã thể hiện các biến thể địa phương của tiếng Tày Nùng trên bản đồ nhưng không nhằm lý giải về các khuynh hướng biến đổi mà chủ yếu tập trung làm rõ tính phổ biến của các biến thể này. Như vậy, khái niệm *Ngôn ngữ học địa lý* ở đây được hiểu thiên về tính

phương pháp, chỉ việc sử dụng bản đồ ngôn ngữ như một công cụ để biểu diễn sự hiện hữu của các biến thể vì một mục đích khác chứ không thiên về mục đích luận giải sự hiện hữu đó.

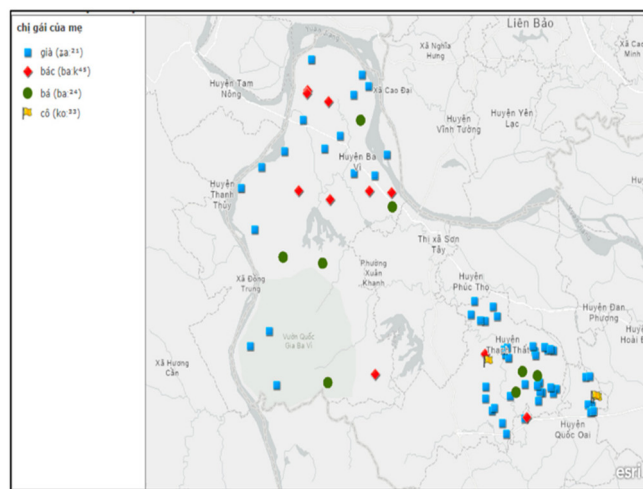
Như vậy, Phương ngữ học, như cách Hoàng Thị Châu đã nghiên cứu, vừa chưa tiến kịp nhưng lại vừa vượt ra ngoài phạm vi những gì phương ngữ học thế giới đã làm. Chưa tiến kịp ở chỗ xét về thành tựu, phương ngữ học Việt Nam về cơ bản còn chưa thực hiện được nhiệm vụ về bản đồ phương ngữ. Vượt ra ngoài ở chỗ phương ngữ học đã tìm cách giải thích sự ra đời của các phương ngữ như là hệ quả của những biến đổi ngôn ngữ ở những không gian nhất định so với cái ngôn ngữ ban đầu của nó qua mối quan hệ giữa phương ngữ với ngôn ngữ toàn dân xét về mặt lịch sử [1]. Gốc gác của sự hình thành phương ngữ là những biến đổi bên trong ngôn ngữ. Sự biến đổi này đôi khi lan toả không đều. Sự phân bố tách biệt về địa lý khiến cho sự lan truyền những biến đổi ấy trở nên không giống nhau ở các không gian cư trú khác nhau. Nhưng bản chất của vấn đề ở đây, theo Hoàng Thị Châu, chỉ có nhà ngôn ngữ học mới nhận ra, đó là lịch sử phát triển của ngôn ngữ ảnh xạ lên sự phân bố địa lý [1]. Đặc tính không gian chỉ là những hiện hữu bề mặt, đặc tính thời gian mới là cái chìa khoá để lý giải cho bản chất của những khác biệt phương ngữ. Vì vậy, những khác biệt phương ngữ thực chất là sự lưu giữ những dấu vết của những quá trình biến đổi lịch sử của một ngôn ngữ. Những âm cổ, những từ cặn ở địa phương nào đó, thực chất là sự ảnh xạ của lịch sử ngôn ngữ trong không gian và tiếng Việt của chúng ta cũng có những biểu hiện điển hình (qua các vùng phương ngữ cổ như Khu 4 chẳng hạn). Đạt được điều này bởi nhà phương ngữ học Việt Nam cho rằng việc nghiên cứu một phương ngữ trong sự đối lập với các phương ngữ khác thì cái khó không phải là tìm ra được sự khác nhau mà cái khó là tìm cho được bản chất của sự khác nhau ấy, nói khác đi, là phải giải thích được sự khác nhau ấy do đâu mà có. Nghĩa là, miêu tả được đặc điểm của các biến thể hiện hữu trong không gian, nhà phương ngữ học mới chỉ hoàn thành một phần nhiệm vụ, phần còn lại là phải lý giải cho được nguyên nhân dẫn đến sự hiện hữu ấy.

Còn Ngôn ngữ học địa lý ở Việt Nam, nếu nhìn theo đúng nghĩa của nó, thì đây là một phân ngành mà những thành tựu của nó so với thế giới thì mới chỉ như “búp trên cành”. Theo những hiểu biết của chúng tôi, vào những năm 1980, Viện Ngôn ngữ học đã khởi động dự án nghiên cứu, điều tra để vẽ bản đồ ngôn ngữ học Việt Nam. Tuy nhiên, vì một số lý do, dự án đã không thực hiện được.

Trong khi các nhà ngôn ngữ học người Việt còn chưa làm được điều gì đáng kể thì một số nhà ngôn ngữ học người Nhật trong vài ba thập kỷ gần đây đã quan tâm đến việc vẽ bản đồ từ vựng và ngữ âm tiếng Việt nhưng do xa xôi cách trở, điều kiện nghiên cứu không thuận lợi nên công việc đó mới chỉ dừng lại ở mức độ “thí điểm”. Tuy vậy, một số hoạt động nghiên cứu của họ cũng đã có kết quả bước đầu là các bài viết với một số bản đồ được vẽ bằng công nghệ GIS như Kondo, Shimizu,... [26, 29, 30, 31].



Hình 3. Sự phân bố địa lý của từ vay mượn trong các ngôn ngữ Tai  
(Nguồn: [15])



Hình 4. Sự phân bố các biến thể từ thân tộc chỉ chị ruột của mẹ trong tiếng Sơn Tây, Hà Nội (Nguồn: [15])

Ví dụ về sự phân bố địa lý của từ vay mượn trong các ngôn ngữ Tai như thể hiện trên hình 3 và sự phân bố các biến thể từ thân tộc chỉ chị ruột của mẹ trong tiếng Sơn Tây, Hà Nội như thể hiện trên hình 4.

## THAY CHO LỜI KẾT

Một vài nghiên cứu gần đây của các nhà nghiên cứu Việt Nam đã cố gắng ứng dụng GIS để vẽ bản đồ ngôn ngữ thể hiện sự phân bố địa lý của các biến thể ngữ âm và từ vựng tiếng Việt. Chẳng hạn, sự phân bố địa lý của tên tự gọi “Luòyuè” (Lạc Việt) trong các ngôn ngữ Môn-Khmer ở Đông Nam Á [15] hay sự phân bố địa lý của thanh điệu tiếng Tai Yo như một tiêu chí để xác định ngôn ngữ [14] rồi sự phân bố địa lý của các biến thể từ thân tộc bên mẹ trong tiếng Sơn Tây [4]. Các nghiên cứu này đã thực hiện được hàng loạt nhiệm vụ như: (1) Miêu tả đặc điểm ngôn ngữ của các biến thể; (2) Lý giải nguồn gốc lịch sử của chúng; (3) Định vị sự phân bố các biến thể ấy trên bản đồ; và (4) Lý giải sự phân bố đó bằng những biến đổi ngôn ngữ qua thời gian. Ở đây, cứ liệu lịch sử và cứ liệu địa lý đã đồng thời được sử dụng và hỗ trợ tốt cho nhau để cùng đi đến một lý giải chung về nguồn gốc của các biến thể phương ngữ. Nếu thực hiện được như vậy, những nghiên cứu phương ngữ học hiện đại hay ngôn ngữ học địa lý “kiểu Việt Nam” hiện nay hoàn toàn có khả năng tích hợp được những gì mà cả phương ngữ học và ngôn ngữ học địa lý thế giới đã làm được. Đây chính là kỳ vọng của chúng tôi về một kiểu hình Phương ngữ học Việt Nam trong thời đại mới.

Vấn đề mà bài viết này muốn đặt ra cho hiện tại và tương lai là Ngôn ngữ học địa lý/ Phương ngữ học Việt Nam cần cố gắng giải quyết nhiệm vụ không nên trì hoãn thêm nữa: hoàn thành việc vẽ bản đồ phương ngữ tiếng Việt. Với điều kiện tư liệu hiện tại mà thế giới phẳng này có thể cung cấp cho chúng ta, với sự hỗ trợ hiệu quả của GIS và các công cụ phân tích không gian kết hợp của nó, sẽ hoàn toàn không chủ quan khi kỳ vọng rằng chúng ta có thể thực hiện nhiệm vụ kếp mà cả Phương ngữ học và Ngôn ngữ học địa lý thế giới đã thực hiện trong quá khứ, rút ngắn quãng đường và thời gian để bắt kịp Phương ngữ học và Ngôn ngữ học địa lý hiện đại.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
- [2]. Huỳnh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam Quốc Âm tự vị*, Saigon, Emprimerie REY, CURION Cie, 1895.
- [3]. Nguyễn Thị Lệ Hằng, *Ngữ âm tiếng Lộc Hà - Hà Tĩnh*. Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học và Xã hội, Hà Nội, 2018.
- [4]. Trịnh Cẩm Lan, *Khảo sát và lập bản đồ các biến thể ngữ âm và từ vựng hiện hữu tại các huyện Quốc Oai, Thạch Thất, Ba Vì*. Đề tài KHCN cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023.
- [5]. Saussure F. de., *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*. NXB Khoa học và Xã hội, Hà Nội, 1973.
- [6]. Taberd J. L. *Dictionarium Anamitico - Latinum*. NXB Văn học, Hà Nội, 1838, 2004.
- [7]. Nguyễn Tài Thái, *Biến thể đánh dấu ở một số khu vực duyên hải Bắc bộ*. Đề tài KHCN cấp Bộ, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2019.
- [8]. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB Đại học Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977.
- [9]. Auer Peter, Schmidt Jürgen Erich (Eds), *Language and Space: An international handbook of language variation Volume 1: Theories and methods*. De Gruyter Mouton, Berlin, 2010.
- [10]. Braun J., *Mapping Language: linguistic cartography as a topic for the history of science*. History and Philosophy of the Language Sciences, 2016.
- [11]. Bye P., “Mapping Innovations in north germanic with GIS,” in J.B. Johannessen (ed.). *Language variation Infrastructure, Oslo Studies in Language*, 3(2), 5-29, 2011.
- [12]. Chambers J.K., “Dialectology,” In James Wright (Eds), *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences (Second Edition)*. Elsevier, 348-352, 2015.
- [13]. Chambers J. K., Trudgill P., *Dialectology*. Cambridge University Press, 2004.
- [14]. Sầm Công Danh, “Tone as a criterion for identifying a lect: the case of Tai Yo Language via geographical distribution of tone,” in *Proceedings of the fifth International Conference on Asian Geolinguistics*, Geolinguistic Society of Japan, 2023. <https://doi.org/10.5281/zenodo.8382130>.
- [15]. Trần Trí Dõi, “The geographical distribution of autonyms for ‘person/people’ in the Mon- Khmer languages of South East Asia and its contribution to the understanding of the original location (hometown) of the Luòyuè residents,” in *Proceedings of the fifth International Conference on Asian Geolinguistics*, Geolinguistic Society of Japan, 2023. <https://doi.org/10.5281/zenodo.8382130>.
- [16]. Fitzsimmons James C., “Geolinguistic Dialect Diffusion: Data Bearing on the Wave and Gravity Models,” in *Proceedings of the 19th Northwest Linguistics Conference*, Victoria, B.C., 17, 29-34, 2023.
- [17]. Frawley William J., *The Encyclopedia of Languages and Linguistics*, Vol. 1. Oxford, 2003.
- [18]. Fukazawa M., “Manual for drawing geolinguistics maps with Arc-GIS online,” in *Proceedings of the Workshop Geolinguistic Method and Southeast Asian Linguistics*. Research Institute for Languages and Cultures of Asia and Africa, Tokyo University of Foreign Studies, Tokyo, 16-33, 2017.
- [19]. Fukushima C., “Methods and principles of geolinguistics,” in *Proceedings of the Workshop Geolinguistic Method and Southeast Asian*



*Linguistics*, Research Institute for Languages and Cultures of Asia and Africa, Tokyo University of Foreign Studies, Tokyo, 10-15, 2017.

[20]. Herrgen, J., "The digital Wenker Atlas (Www.DiWA.Info): An online research tool for modern dialectology," *Dialectologia*, Special issue, I, 89-95, 2010.

[21]. Heap D., "Spatial Variation (Geolinguistics)," in Keith Brown (Eds.), *Encyclopedia of Language and Linguistics*, Elsevier, 2006. <https://doi.org/10.1016/B0-08-044854-2/01484-X>.

[22]. Hoch S., Hayes J., "The Incorporation of Geographic Information Systems and Science," *The Geographical Bulletin*, 51, 23-36, 2010.

[23]. Iwata R., "Chinese geolinguistics: History, current trend and theoretical issues," *Dialectologia*, 97-121, 2010.

[24]. Kenji Y., "Some Notes on Sun in Sinitic," *Studies in Asian Geolinguistics*, Monograph Series No. 1, Papers from the *Third International Conference on Asian Geolinguistics*, 2016.

[25]. Kirsten M., *Linguistics Encyclopedia*. Taylor & Francis e-Library, 2006, <http://www.ebookstore.tandf.co.uk/>.

[26]. Kondo M., "Vietnamese dialect maps on vocabulary," *Asian Geolinguistic Society of Japan, Monograph Series*, 1, 2013.

[27]. Koopman Willem F., Frederike van der Leek, Olga Fischer, Roger Eaton (Eds), *Explanation and linguistics change*. John Benjamins Publishing Company, 1987.

[28]. Trịnh Cẩm Lan, "Characteristics and distribution of the variants of maternal kinship terms in Son Tay dialect (Hanoi)," *In Proceedings of the fifth International Conference on Asian Geolinguistics*, Geolinguistic Society of Japan, 2023. <https://doi.org/10.5281/zenodo.8382130>.

[29]. Shimizu M., "The Distribution of Final Palatals in Vietnamese Dialects," in the *2nd International Conference on Asian Geolinguistics*, Bangkok, Thailand, May 24-25, 2014.

[30]. Shimizu M., "A Phonological Basis for Rethinking Vietnamese Isoglosses," *Studies in Asian Geolinguistics*, Monograph Series No. 1. Papers from the *Third International Conference on Asian Geolinguistics*, 2016.

[31]. Shimizu M., Kondo M., "The distribution of diphthongs in Vietnamese dialect," in *Proceedings of the Workshop Geolinguistic Method and Southeast Asian Linguistics*, Research Institute for Languages and Cultures of Asia and Africa, Tokyo University of Foreign Studies, Tokyo, 51-56, 2017.

[32]. Trudgill P., "Linguistics geography and geographical linguistics", in Christopher Board, Richard J. Chorley, Peter Hagggett & David R. Stoddart (eds.), *Progress in Geography. International Reviews of Current Research*, 7, 227-252, 1975.

[33]. Trudgill P., *Dialect contact, Dialectology and Sociolinguistics*. Cuadernos de Filología Inglesa, 8, 1-8, 1999.

[34]. Withers C.W.J., "Language Geographies," in D. Richardson, N. Castree, M.F. Goodchild, A. Kobayashi, W. Liu and Marston R.A. (eds.), *International Encyclopedia of Geography: People, the Earth, Environment and Technology*, 2017.

[35]. William L., S. Ash S., Boberg C., *Atlas of North American English*. Paris: Mouton de Gruyter, 2006.

[36]. William L., *The Organization of Dialect Diversity in North America*. Philadelphia, 1996.

---

#### AUTHORS INFORMATION

**Trinh Cam Lan, Tran Thi Hong Hanh**

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi, Vietnam